

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY

• ThS. NGUYỄN PHƯƠNG MAI

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Môn Ngữ văn ở trường phổ thông chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, vừa là môn khoa học xã hội và nhân văn, có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh (HS) những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, Văn học, Làm văn; vừa là môn công cụ trang bị cho người học vốn hiểu biết và kĩ năng sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt), giúp HS học tập, sinh hoạt, nhận thức về xã hội, con người; đồng thời cũng là môn nghệ thuật, bởi vì: “thông qua việc tiếp cận với tiếng Việt, văn hóa và những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học, HS được bồi dưỡng năng lực tưởng tượng, sáng tạo, được làm giàu cảm xúc thẩm mĩ và định hướng nhằm hoàn thiện nhân cách của mình” (*Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, Hà Nội, 2006*).

Tuy nhiên, môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông hiện nay đang dần dần bị mất đi ưu thế của mình, đang trở thành “môn phụ” trong suy nghĩ của rất nhiều giáo viên (GV), phụ huynh, HS và hậu quả của nó thật đáng lo ngại. Thời gian gần đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhiều cán bộ, GV, nhiều nhà khoa học tâm huyết đã lên tiếng về thực trạng dạy học môn Ngữ văn hiện nay. Tình trạng “thầy chán dạy, trò chán học”, các em không mấy nhiệt tình, hứng thú với môn học vẫn còn diễn ra trong các giờ Ngữ văn ở nhiều trường phổ thông. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin trình bày nguyên nhân HS ít hứng thú với môn học và một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Ngữ văn, đặc biệt là đối với giờ dạy học về tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông hiện nay.

1. Nguyên nhân HS ít hứng thú với môn học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ít hứng thú với môn học Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay, trong đó phải kể đến nguyên nhân từ phía GV, HS và ảnh hưởng của môi trường xã hội, bởi đây là những nhân tố quan

trọng quyết định trực tiếp đến hiệu quả của quá trình dạy, học Ngữ văn ở trường phổ thông.

1.1. Về phía GV:

- *Do GV dạy Ngữ văn chưa thật sự tâm huyết với nghề:* Làm bất cứ nghề nào cũng vậy, để đạt được sự thành công thì yêu cầu đầu tiên là phải có chuyên môn giỏi, có niềm say mê với công việc, đặc biệt là phải có tình yêu nghề nghiệp. Đối với người GV dạy Ngữ văn thì yêu cầu đó lại càng quan trọng. Để dạy tốt một giờ Ngữ văn trên lớp, người GV cần phải bỏ nhiều công sức cho các khâu soạn giáo án, đọc tài liệu... Thế nhưng, thực tế cho thấy ít GV tìm đọc các Tạp chí Nghiên cứu văn học, Tạp chí Ngôn ngữ, báo Văn nghệ và các tác phẩm văn học... để bổ sung thêm vốn tri thức cho mình. Trong khi đó, kiến thức về khoa học xã hội (nói chung), kiến thức về văn học (nói riêng) lại có sự thay đổi hàng ngày. Hiện nay, vẫn có GV Ngữ văn thường chỉ dựa vào các tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và những cuốn phân tích bình giảng tác phẩm văn học có sẵn rồi sao chép lại thành bài giảng của mình để dạy cho HS. Vì vậy, giờ học Ngữ văn dễ trở nên nhàm chán, chỉ là giờ thông tin kiến thức một chiều, khô cứng, nhạt nhẽo, buồn tẻ, không có sức lôi cuốn đối với các em.

- *GV chưa có phương pháp dạy học phù hợp, chưa tạo được bầu không khí văn chương trong lớp học.* Hiện nay, chúng ta đã nói nhiều đến phương pháp dạy học mới nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của người học, nhưng trên thực tế còn nhiều GV dạy Ngữ văn ở phổ thông sau khi được tập huấn về phương pháp dạy học mới thường có suy nghĩ “tập huấn thì tập huấn nhưng để áp dụng cụ thể vào bài dạy thì vô cùng khó khăn”. Họ sợ nếu áp dụng phương pháp dạy học mới sẽ dễ bị “cháy giáo án” do áp lực của thời gian và chương trình dạy; sợ ảnh hưởng đến kết quả thi tốt nghiệp cuối cấp của HS hoặc sợ không chuyển tải hết lượng kiến thức vốn rất lớn nhưng trong khoảng thời gian rất

ngắn đến HS... Và như vậy, họ lại bằng lòng với cách truyền thụ kiến thức một chiều, giảng dạy theo công thức có sẵn vẫn luôn được nhiều GV sử dụng trong các giờ học Ngữ văn. Thông thường, đứng trước một tác phẩm văn học, người GV chỉ làm công việc khai thác kiến thức theo công thức đã được định sẵn như: xác định tư tưởng, nội dung, hình thức của tác phẩm được thể hiện qua các bước đúng như trong SGK mà không có sự sáng tạo thêm của cá nhân.

Như trên đã nói, môn Ngữ văn trong trường phổ thông là môn học đa chức năng, bên cạnh chức năng khoa học, công cụ thì Ngữ văn còn là một môn nghệ thuật. Đã là môn nghệ thuật thì đòi hỏi người GV phải có năng khiếu nhất định. Do đó, dạy học nói chung, dạy Ngữ văn nói riêng thực sự là một nghệ thuật, nó đòi hỏi người GV phải có năng khiếu văn chương, có kĩ năng sư phạm, có giọng nói hay, nói chuẩn, có cách truyền thụ tốt để lôi cuốn HS trong giờ học. Thầy dạy không hay, không say mê, nhiệt tình thì khó gây được hứng thú học tập cho HS nhưng trên thực tế không phải GV nào cũng có được năng khiếu sư phạm như vậy.

- *Do đời sống của hầu hết GV nói chung, GV dạy Ngữ văn nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.* Họ không thể toàn tâm toàn ý với nghề trong khi cuộc sống không được đảm bảo. Nhất là đối với những GV ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao thì cuộc sống của họ còn khó khăn hơn rất nhiều. Họ không có điều kiện tiếp cận với sách báo, tạp chí chuyên ngành cũng như các phương tiện thông tin đại chúng để cập nhật kiến thức hàng ngày... Những khó khăn đó cũng phần nào ảnh hưởng đến lòng nhiệt tình và sự say mê nghề nghiệp của người GV.

1.2. Về phía HS:

- *HS không có lòng say mê văn chương, không có động cơ học tập môn Ngữ văn.* Một trong những nguyên nhân khiến giờ học Ngữ văn trở nên nặng nề, nhàm chán là do nhiều HS coi môn Ngữ văn như môn phụ. Vì vậy, các em học theo kiểu uể oải, đối phó, học để kiểm tra, học để lấy điểm chứ không phải vì niềm đam mê thật sự với mỗi tác phẩm văn học. Đối với môn Ngữ văn, tình yêu môn học phải bắt nguồn từ tình yêu tiếng mẹ đẻ, tình yêu văn hóa dân tộc, yêu cái đẹp trong tâm hồn, trong trí tuệ con người.

- *HS không hứng thú với việc đọc sách, đặc*

biệt là với những tác phẩm văn học. Việc đọc sách của các em chỉ nhằm thỏa mãn trí tò mò chứ không nhằm mục đích để khám phá cái hay, cái đẹp của tác phẩm. Hơn nữa, ngày nay các em chỉ quan tâm vào tìm đọc các loại truyện tranh, truyện kiếm hiệp, truyện li kì hấp dẫn bởi các yếu tố hoang đường, kì ảo và những trang blog cá nhân, internet, game... mà không để ý đến những tác phẩm văn học vốn là kho tàng tri thức lớn cho các em.

1.3. Về phía xã hội:

Do có sự phân hóa giữa các ban Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, ban Cơ bản và định hướng của các trường phổ thông qua việc phân ban hiện nay nên môn Ngữ văn cũng đang dần dần bị đi mất ưu thế. Trong suy nghĩ của nhiều HS thì chương trình phổ thông chỉ là "bước đệm" để các em bước vào đại học, cao đẳng. Với tâm lí "thi gì học nấy", do đó càng lên lớp trên các em càng tập trung vào những môn liên quan đến thi đại học với đích hướng tới là các trường với ngành học mà tương lai dễ kiếm việc làm, lại có thu nhập cao, dễ tìm được chỗ đứng trong xã hội. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đó là những ngành học thuộc khối tự nhiên, kĩ thuật, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kinh tế, tài chính, ngân hàng... Cơ hội dành cho những em theo đuổi ngành học xã hội (trong đó có môn Ngữ văn) quá eo hẹp, ra trường lại khó có khả năng tìm kiếm việc làm.

Chính bởi nhu cầu của xã hội và lối sống thực dụng hiện nay đã vô tình làm mất đi ưu thế của môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông. Khi đã không có nhu cầu, không có động cơ học tập thì HS sẽ không còn yêu thích môn Ngữ văn và nếu có học thì cũng chỉ là để đối phó. Vì thế, môn Ngữ văn cứ ngày càng phai nhạt và bị hạ thấp dần trong nhà trường phổ thông.

2. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay

2.1. Đối với GV:

- *Cần nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ GV dạy Ngữ văn:* Đây là biện pháp quan trọng bậc nhất quyết định trực tiếp đến hiệu quả dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Nâng cao chất lượng đội ngũ GV dạy Ngữ văn được thể hiện ở việc nâng cao về kiến thức chuyên

môn và nghiệp vụ sư phạm. Việc bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và nâng cao nghiệp vụ sư phạm là công việc quan trọng, cần phải được quan tâm ngay từ trong nhà trường sư phạm.

- **Nâng cao kiến thức về chuyên môn:** Phải thừa nhận rằng, trong các môn học ở trường phổ thông, môn Ngữ văn (trong đó có phân môn Văn học) là một môn rất khó dạy. Bởi tuy người thầy không phải là nhà văn, nhà thơ, không trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm văn học nhưng họ lại là người truyền thụ kiến thức văn chương đến cho HS. Vì thế, đòi hỏi người GV Ngữ văn phải vừa có tâm hồn nghệ sĩ, vừa thực sự am hiểu tác phẩm văn học, hiểu ý đồ sáng tác của nhà văn, vừa là người có năng khiếu văn chương (vì Ngữ văn là môn nghệ thuật). Dạy văn không chỉ truyền đạt kiến thức đơn thuần như các môn học khác mà chủ yếu là truyền tải sự rung động trước tác phẩm đến HS. Người GV dạy Ngữ văn phải là người nhen nhóm, thổi bùng lên ngọn lửa văn chương trong tâm hồn HS. Muốn vậy, họ phải nắm rất chắc kiến thức về văn học nói chung cũng như mỗi tác phẩm cụ thể nói riêng, phải có sự rung động trước tác phẩm và thông qua ngôn ngữ cùng sự diễn đạt khéo léo của mình để kéo học trò rung động theo. Giờ văn học đạt hiệu quả cao là là giờ văn mà qua đó gây được sự rung động văn chương trong tâm hồn HS. Ví dụ, khi dạy về tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du, GV truyền tải kiến thức làm sao để HS cảm động, xót xa trước số phận của nàng Kiều bị xã hội phong kiến vùi dập, hay khi dạy xong tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, HS cảm thấy ngậm ngùi, tiếc thương cho cuộc đời của một kiếp người- kiếp Chí Phèo - muốn được sống cuộc sống của một con người bình thường như bao người khác nhưng cũng không được..., như thế có nghĩa là giờ văn đã đạt được hiệu quả rồi.

Để nâng cao kiến thức chuyên môn, người GV Ngữ văn cần phải được tham gia các buổi sinh hoạt chuyên đề do nhà trường tổ chức. Đây là hoạt động rất có ý nghĩa, bởi vì thông qua các buổi sinh hoạt này, GV sẽ được mở rộng, nâng cao kiến thức văn học và có điều kiện để học hỏi, trao đổi các ý kiến về văn học. Các buổi sinh hoạt chuyên đề thường được tổ chức dưới hình thức xê-mi-na, thảo luận,... Tại đây, GV sẽ được tham gia thảo luận, được trình bày các ý kiến cá nhân đồng thời được học hỏi kinh nghiệm từ các

đồng nghiệp khác.

- Nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, được thực hiện qua việc tăng cường các buổi dự giờ nhằm giúp GV có điều kiện học hỏi kinh nghiệm; Tổ chức cho GV tham gia viết sáng kiến giáo dục; Phổ biến những kinh nghiệm dạy học; Tổ chức thực hiện những giờ giảng mẫu để các đồng nghiệp cùng tham gia trao đổi, góp ý kiến rút kinh nghiệm...

2.2. Đối với các cấp quản lí giáo dục:

- **Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy trí tuệ HS, tạo không khí tự do dân chủ trong giờ học:** Không có một phương pháp chung áp dụng cho tất cả các bài học cũng như với mọi HS. Người GV dạy Ngữ văn cần phải căn cứ vào trình độ, khả năng nhận thức của HS và điều kiện thực tế của từng trường, từng bài học cụ thể để có phương pháp dạy học phù hợp. Việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực và tạo hứng thú học tập cho HS. Khi chọn lựa các phương pháp giảng dạy, người GV Ngữ văn nên sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học cụ thể để thu hút, duy trì sự chú ý của HS, khuyến khích sự tham gia tích cực của HS đồng thời tăng cường khả năng giao tiếp giữa GV và HS, giữa HS với nhau.

- **Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá trong giờ học Ngữ văn:** Khuyến khích HS tự tìm tòi, khám phá, tự thể hiện quan điểm của bản thân. Thay vì việc kiểm tra bài viết của HS có đủ ý với dàn ý mẫu hay không, GV cần xem HS viết bài có sáng tạo không, có biểu cảm không, cách diễn đạt có mạch lạc, thuyết phục người đọc không? Bản thân tác phẩm văn chương luôn là một sự tìm tòi, khám phá. Tác phẩm càng hay, càng có giá trị cao, gây được tiếng vang lớn thì càng phức tạp và có nhiều vấn đề để bình luận, phân tích. Việc cảm thụ, phân tích tác phẩm cũng có nhiều cách khác nhau, miễn sao qua dẫn chứng, qua lí lẽ, các em thuyết phục được người đọc đồng tình với quan điểm của mình.

- **Đổi mới việc ra đề kiểm tra, đề thi:** Tăng cường các đề thi gắn với thực tiễn đời sống, những vấn đề gần gũi với HS, gắn với thực tế xã hội, đất nước, con người Việt Nam... Với đề văn nghị luận, GV cần coi trọng việc đánh giá năng lực sáng tạo khi vận dụng kiến thức của HS. Đề thi nên tập trung ở những văn bản mới để các em

có thể thể hiện năng lực đọc hiểu của mình bằng việc vận dụng những tri thức đã được tích lũy trong quá trình học và tránh sự nhàm chán cho HS.

- *Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học Ngữ văn có hiệu quả:* Trường phổ thông cần được trang bị, bổ sung thêm các tư liệu như tranh, ảnh, tác phẩm văn học... vào danh mục tài liệu tham khảo của thư viện. Việc có thêm nguồn tư liệu này sẽ giúp GV Ngữ văn cũng như các em HS có điều kiện đọc sách báo và những tài liệu tham khảo phục vụ quá trình dạy học, đồng thời cũng bổ sung và nâng cao kiến thức cho cả GV và HS.

Các trường phổ thông cần được trang bị cơ sở vật chất phục vụ quá trình dạy học như nối mạng internet, xây dựng giáo án điện tử, trang bị hệ thống bảng hình, phim ảnh tư liệu liên quan đến văn học. Giờ học Ngữ văn sẽ trở nên hiệu quả hơn rất nhiều nếu sau buổi học các em được xem những thước phim tư liệu quý giá đã được chuyển thể từ các tác phẩm văn học nổi tiếng và những đoạn phim tư liệu liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của tác giả. Chẳng hạn, khi dạy học bài Tuyên ngôn Độc lập (SGK Ngữ văn 12, tập 1), GV cho HS nghe một đoạn băng có giọng nói của Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình trước hàng vạn đồng bào cả nước ngày 2-9-1945 hoặc khi dạy học về tác phẩm Chí Phèo (SGK Ngữ văn 11), các em được xem một đoạn bộ phim Làng Vũ Đại ngày ấy được chuyển thể từ các tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nam Cao..., chắc chắn sẽ gây được hứng thú và để lại nhiều ấn tượng cho HS.

- *Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề về văn học:* Thông qua sinh hoạt ngoại khóa, HS có điều kiện tham gia các buổi bình văn, bình thơ, xem phim tư liệu, viết chuyên đề, cảm xúc của cá nhân về một vấn đề nào đó liên quan đến môn học... Chính những buổi sinh hoạt ngoại khóa tưởng chừng đơn giản nhưng rất bổ ích, giúp HS khắc sâu, mở rộng kiến thức về văn học đồng thời bồi dưỡng niềm yêu thích môn học cho các em.

- *Có chính sách hỗ trợ phù hợp, chăm lo hơn đến đời sống đời sống đời GV để họ toàn tâm toàn ý với nghề.* GV có điều kiện mua sách vở, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn. Có chính sách ưu tiên đặc biệt

(miễn giảm học phí, cấp học bổng...) để thu hút những HS khá, giỏi đăng kí thi vào các trường Sư phạm trong đó có chuyên ngành Ngữ văn.

- *Tăng cường công tác thanh tra chuyên môn, có biện pháp cụ thể với GV vi phạm quy chế chuyên môn và những GV có năng lực chuyên môn kém.* Bằng các hình thức như dự giờ, thăm lớp, kiểm tra định kì, kiểm tra đột xuất sẽ giúp GV có ý thức hơn trong việc chuẩn bị bài giảng cũng như việc tự bồi dưỡng chuyên môn. Đối với những GV có năng lực chuyên môn kém, nhà trường cần tạo điều kiện để họ được tham gia học tập, bổ sung thêm kiến thức. Với những GV tự ý bỏ giờ, tự ý cắt xén nội dung chương trình giảng dạy, cần có những biện pháp xử lí kịp thời.

3. Kết luận

"Văn học là nhân học" (Marxim Gorki). Không ai có thể phủ nhận vai trò, vị trí của môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông. Tuy nhiên, để việc dạy học môn Ngữ văn có chất lượng và hiệu quả hơn, đòi hỏi từ các cấp quản lí đến nhà trường, GV, phụ huynh và cả các em HS cần phải nỗ lực cố gắng và có sự quan tâm, nhìn nhận đúng hơn về môn học để Ngữ văn luôn phát huy được vai trò là bộ môn trang bị cho HS kiến thức về cách sống, cách làm người, hướng các em tới cái chân, thiện, mỹ trong cuộc sống cũng như ở nhà trường phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.
2. *Kỷ yếu Hội thảo Phương pháp dạy học Ngữ văn*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2008.
3. Đỗ Ngọc Thống, *Đề thi môn Ngữ văn THPT theo yêu cầu phân hóa*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 44, 2009.
4. Nguyễn Thủy Hồng, *Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của HS THCS, THPT*, NXB Giáo dục, 2007.

SUMMARY

The Philology subject in schools has a special position, as a tool subject while being a subject of arts. However this subject is losing its position and becoming 'side'-subject by thinking of teachers, parents and students. The author discusses causes of the dis-popularity of the Philology subject and proposes some concrete measures for teachers and administrators to improve the effectiveness of Philology teaching in current schools.